TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2026
V/v T/C ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Triệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền và ông Nguyễn Viết Tác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thẩm tra Viên -Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Mạc Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 08 /2026/HNGĐST- QĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 2002. Trú tại: Thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

Bị đơn: Anh Triệu Văn X, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên toà chị Lý Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H trên cơ sở quen biết và được tìm hiểu tình cảm với anh Triệu Văn X từ năm 2022, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên). Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị H và anh X chung sống tại xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là xã P, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023. Từ năm 2023 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đi làm xa nhà, còn anh X thì về ở tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, không thể hoà hợp. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn không muốn cùng chung sống với anh X nữa, không ai quan tâm lẫn nhau đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được càng về sau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Triệu Văn X.

Về con chung: Chị Lý Thị H và anh Triệu Văn X có 01 (Một) con chung tên là Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/7/2022. Hiện nay con chung ở với mẹ tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, con chung bị khuyết tật nghe nói, có giấy xác nhận khuyết tật số 01891.04 ngày 27/01/2025 của Hội đồng đánh giá xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn xác định mức độ khuyết tật nặng và được UBND huyện B trợ cấp hàng tháng là 1.000.000 đ (một triệu đồng) kể từ ngày 01/4/2025 theo quyết định số 834/QĐ-UBND, ngày 17/4/2025 của Chủ tịch UBND huyện B, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con chung. Chị H yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Triệu Văn X mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không hợp tác làm việc với Toà án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ và lời trình bày của chị H thì nhận thấy anh Triệu Văn X có quan hệ hôn nhân hợp pháp đúng như lời trình bày của chị H, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Qua xác minh vào ngày 10/12/2025 thì anh X nói qua điện thoại với trưởng thôn, thôn N là anh X đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Chị H và anh X có 01 (Một) con chung tên là Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/7/2022. Hiện nay con chung đang học lớp mẫu giáo trường Mầm Non B và ở với chị H tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, sức khoẻ do bị khuyết tật nặng trẻ em, dạng khuyết tật: Nghe, Nói và được UBND xã B cấp giấy xác nhận khuyết tật số: 01891.04, cấp ngày 27/01/2025. Qua xác minh ngày 10/12/2025 anh X nói qua điện thoại với trưởng thôn, thôn N là anh X đồng ý cho chị H nuôi con. Về cấp dưỡng anh X đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nơi ăn chỗ ở của vợ chồng:

Đối với chị H trình bày: Chị H hiện đang ở chung nhà với bố mẹ đẻ tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, loại nhà xây cấp 4, 04 gian, lợp tấm tôn, nền gạch men. Tiện nghi sinh hoạt bình thường. Ngôi nhà là của bố mẹ chị, chị H không có đóng góp gì. Nếu được ly hôn thì bố mẹ chị H nhất trí cho hai mẹ con chị H tiếp tục được ở nhờ. Về thu nhập tại thời điểm hiện tại hàng tháng chị H không có thu nhập ổn định .

Đối với anh X: Quá trình tố tụng và qua xác minh thấy anh X có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên, cùng ở với gia đình anh X có bà Triệu Thị C, sinh năm 1958 là mẹ đẻ anh X. Qua xác minh thấy anh X và chị H không có tài sản chung tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Toà án tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

Tại công văn số: 643/CACG, ngày 17/11/2025 của Công an xã C – Thái Nguyên như sau. Cung cấp thông tin về nơi cư trú của công dân anh Triệu Văn X tại thời điểm hiện tại có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên, quan hệ với chủ hộ. Trong hộ của Triệu Văn X có 02 nhân khẩu. Từ năm 2022 đến nay Triệu Văn X không thay đổi nơi cư trú khác, tại thời điểm xác minh Triệu Văn X không có mặt tại địa phương. Triệu Văn X đi làm công ty từ ngày 15/11/2025, không có thông tin cụ thể về công việc và địa chỉ làm việc của Triệu Văn X.

Ngày 10/12/2025 xác minh với Trưởng thôn, thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên như sau. Tại buổi xác minh Trưởng thôn Nà Tu đã gọi điện thoại số: 0965988496 là số điện thoại của anh Triệu Văn X là bị đơn trong vụ án và anh X có cung cấp thông tin như sau: Tại thời điểm hiện tại anh X ở thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên (Nay làm Công ty ở tỉnh Bắc Ninh nhưng không biết tên Công ty và địa chỉ cụ thể; anh X đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Toà án, nhưng anh X không đến Toà án làm việc theo giấy được; anh X hiện nay có mẹ là Triệu Thị C nhưng bà C không đủ năng lực pháp luật, gia đình có 02 nhân khẩu. Anh Triệu Văn X nói qua điện thoại với Trưởng thôn về vụ án như sau: Anh X đồng ý ly hôn chị H; đồng ý cho chị H nuôi con; đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đ vì không có thu nhập ổn định. Ngoài ra anh X không có yêu cầu phản tố nào khác.

Ngày 07/01/2026 Toà án tiến hành xác minh với Trưởng thôn, thôn N và anh Triệu Văn S (anh trai ruột anh X) là người thân thích của anh X với nội dung như sau. Về việc anh X vắng mặt tại nơi cư trú được ông N và ông S cung cấp thông tin anh Triệu Văn X đi làm một Công ty ở tỉnh Bắc Ninh hơn một tháng nay, nhưng anh X không nói cho biết địa chỉ liên lạc tên Công ty để gửi giấy; anh Triệu Văn X có mối quan hệ người thân thích gồm có; Ông Triệu Văn S1, sinh năm 1981 (anh trai ruột) cùng trú tại thôn N; ông Triệu Văn S, sinh năm 1988; anh Triệu Văn G, sinh năm 1979 (anh trai ruột) trú tại thôn H, xã C, tỉnh Thái Nguyên; bà Triệu Thị S2, sinh năm 1984 (chị gái ruột) trú tại thôn N, xã V, tỉnh Thái Nguyên; bà Triệu Thị C, sinh năm 1958 (mẹ đẻ) trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên bà C bị khuyết tật là không biết nói, không có năng lực pháp luật. Trong thời gian từ ngày 10/12/2025 trưởng thôn có gửi giấy, có báo qua điện thoại cho anh X biết việc Toà án khu vực 7 – Thái Nguyên thông báo phiên họp công

khai chứng cứ và hoà giải. Ngoài ra anh Xuân V tham gia các hoạt động của địa phương thôn N đầy đủ theo quy định, đến thời điểm hiện nay anh X không cho biết địa chỉ mới.

Ngày 26/02/2026 xác minh với Trưởng thôn, thôn N và anh Triệu Văn S1 (anh trai ruột) của anh Triệu Văn X với nội dung về tình trạng hôn nhân của vợ chồng; về việc anh X không có mặt tại địa phương. Qua xác minh thấy chị Lý Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, anh Triệu Văn X có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên, nên thôn và gia đình không nắm được lý do tình trạng quan hệ hôn nhân của chị H và anh X chung sống với nhau cũng như mâu thuẫn như thế nào. Anh X và chị H có 01 người con chung hiện nay ở với chị H. Về tài sản chung, nợ chung không có. Về lý do vắng mặt tại địa phương do anh Triệu Văn X đi làm Công ty ở tại tỉnh Bắc Ninh nhưng anh X không nói cho thôn và gia đình biết địa chỉ anh X ở Bắc Ninh và làm gì. Ngày 27 tháng 12 âm lịch năm 2025 (Tức ngày 14/02/2026) anh X về nhà anh X ở ăn tết nguyên đán đến ngày 05 tháng giêng (Tức ngày 21/02/2026) anh X lại đi công ty. Trong thời gian tết nguyên đán anh X không nói cho thôn và gia đình biết tên địa chỉ và nơi làm việc của anh X và cũng nói là việc đi đi về về trong thời gian bao lâu. Anh Triệu Văn X đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh X không nói năng gì. Ngoài ra anh X có thực hiện các khoản phí, đóng góp cho thôn đầy đủ.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - và biên bản không tiến hành hoà giải được, đồng thời chị H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Nên Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà chị Lý Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Quá trình tố tụng anh Triệu Văn X không hợp tác, nên không có yêu cầu phản tố.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử, cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng đầy đủ, bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng không đầy đủ.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lý Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị H được ly hôn anh Triệu Văn X.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/7/2022 cho chị Lý Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Anh Triệu Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, nên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên đương sự không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên.

Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Triệu Văn X quá trình tố tụng không hợp tác và vắng mặt tại phiên toà nhưng anh X đã được gửi, giao, niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án hợp lệ và đúng thời hạn quy định.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Triệu Văn X có được tìm hiểu tình cảm, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có tự nguyện đăng ký kết hôn, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh X là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh X có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Theo lời trình bày của chị H sau khi kết hôn và quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó do chị H đi làm xa nhà, anh X chuyển về ở tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống. Từ đó vợ chồng chung sống cùng nhau ít, nên tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, không gần gũi quan tâm lẫn nhau dần về sau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng nên chị H không muốn cùng chung sống với anh X nữa, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Quá trình tố tụng anh X không hợp tác tuy nhiên tại buổi xác minh với thôn N ngày 10/12/2025 anh X có nói qua điện thoại là anh X đồng ý ly hôn chị H và anh X không có yêu cầu phản tố nào khác.

Tại phiên toà chị Lý Thị H trình bày một lần nữa là nhất quyết muốn được ly hôn anh X bởi lẽ do chị H trú tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, anh Triệu Văn X trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên, giữa chị H và anh X đã sống ly thân từ tháng 3 năm

2025, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không ai quan tâm lẫn nhau, có nhiều bất đồng quan điểm sống xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng không thể quay về đoàn tụ với nhau được nữa, Chị H xin được ly hôn anh X theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh X theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Xác nhận chị H và anh X có 01 con chung tên là Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/07/2022 có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, con chung bị khuyết tật nghe nói, có giấy xác nhận khuyết tật số 01891.04 ngày 27/01/2025 của Hội đồng đánh giá xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn xác định mức độ khuyết tật nặng, được Ủy ban nhân dân UBND huyện B (Nay thuộc UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên) trợ cấp hàng tháng là 1.000.000 đ (một triệu đồng) theo quyết định số 834, ngày 17/4/2025. Hiện nay con chung đang ở với mẹ tại thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên, nếu buộc phải ly hôn nhau thì chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H đề nghị mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Qua xác minh anh X đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đ.

Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con chung khi ly hôn thấy: Chị H hiện nay không có nhà ở riêng và đang ở chung nhà với bố đẻ là ông Lý Văn L và mẹ đẻ là bà Triệu Thị C1 loại nhà xây cấp 4, 04 gian, mái lợp tôn, nền lát gạch men, tiện nghi sinh hoạt bình thường địa chỉ thôn K, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Ngôi nhà là của bố, mẹ chị H, chị H và con ở nhờ, chị H cũng như anh X không có đóng góp gì. Nên khi ly hôn thì bố mẹ chị H cho 02 mẹ con chị H tiếp tục được ở nhờ bình thường. Xét việc chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hiện nay con chung cũng đang ở ổn định với chị H nên việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp và có căn cứ. Đối với anh X hiện nay có chung hộ khẩu thường trú cùng mẹ đẻ là bà Triệu Thị C, sinh năm 1958 tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Anh X hiện nay thường xuyên vắng mặt tại địa phương và gia đình thỉnh thoảng đi đi về về nên anh X đồng ý cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

Do vậy, có căn cứ giao con chung tên là Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/07/2022 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H đề nghị anh X cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng, anh X đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình tố tụng anh X không hợp tác đến làm việc với Toà án, không có ý kiến bằng văn bản, nên Toà án không xác định chính xác mức thu nhập ổn định hàng

tháng của anh X là bao nhiêu, tuy nhiên xét thấy con chung là trẻ khuyết tật nặng, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng khó khăn hơn trẻ phát triển bình thường nên việc chị H đề nghị anh X cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng là có căn cứ.

Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đối với chị Lý Thị H là nguyên đơn thì phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên chị Lý Thị H có đơn xin miễn án phí với lý do là thuộc hộ nghèo được UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên xác nhận số 80a, ngày 19/01/2026, nên cần xem xét cho chị Lý Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp. Anh Triệu Văn X phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Nhưng tại phiên toà chị Lý Thị H nhất trí tự nguyện chịu nộp thay cho anh Triệu Văn X phần án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nên cần được ghi nhận việc chị Lý Thị H tự nguyện chịu nộp thay cho anh Triệu Văn X phần án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Nên cần giữ lại số tiền tạm ứng án phí của chị Lý Thị H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001719 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để trừ vào số tiền án phí cấp dưỡng cho anh Triệu Văn X là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Triệu Văn X đã nộp đủ án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị H xin được ly hôn anh Triệu Văn X.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H được ly hôn anh Triệu Văn X.

Về con chung: Giao 01 (Một) con chung là Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/7/2022 cho chị Lý Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh Triệu Văn X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/7/2022 mỗi tháng là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con chung Triệu Lý Đức T, sinh ngày 27/7/2022 đủ tuổi trưởng thành từ 18 tuổi trở lên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thực hiện khoản tiền cấp dưỡng nuôi con theo Điều 357/BLTTDS.

Sau khi ly hôn anh Triệu Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi

con chung và đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đơn xin miễn án phí của chị H. Chị Lý Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Anh Triệu Văn X phải chịu số tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Ghi nhận chị Lý Thị H tự nguyện chịu thay anh Triệu Văn X số tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí của chị Lý Thị H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001719 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận anh Triệu Văn X đã nộp đủ án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7 – Thái Nguyên
- Phòng THADS khu vực 7 – Thái Nguyên;
- UBND xã Phúc Lộc – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Cạn